

CÂY THUỐC CỦA NGƯỜI HRE VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN TẠI HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

Võ Văn Minh, Phạm Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Kim Yến
Đại Học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Tri thức bản địa về sử dụng cây cỏ làm thuốc của các dân tộc ở Việt Nam là nguồn tài nguyên quý giá, có giá trị khoa học và có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Bài báo trình bày kết quả điều tra tri thức, kinh nghiệm và thực trạng sử dụng cây thuốc của cộng đồng người Hre tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi nhằm xây dựng các cơ chế quản lý, các giải pháp bảo tồn và sử dụng bền vững hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc tại địa phương. Kết quả đã điều tra xác định được 45 loài cây thuốc, thuộc 26 họ, thông qua việc sử dụng trong cuộc sống hàng ngày của cộng đồng người Hre huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi. Trong đó có 2 loài thuốc quý trong danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 6 loài quý theo kiến thức bản địa của người dân. Cây thuốc được khai thác chủ yếu từ tự nhiên (84,44%), kiến thức bản địa phong phú thể hiện ở kinh nghiệm sử dụng để chữa trị 12 nhóm bệnh khác nhau, số lượng các loài cây thuốc được sử dụng chữa các nhóm bệnh cơ - xương - khớp, thận, nội tiết, gan là nhiều nhất. Cách thức chế biến sử dụng khá đa dạng. Những loài cây thuốc quý cần ưu tiên bảo tồn là Ba kích (*Morinda officinalis* How), Thổ phục linh (*Smilax glabre*), Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L.Wu), cần nhân giống mở rộng diện tích các loại cây thuốc dưới tán rừng trồng, vườn nhà, đồng thời khoanh vùng bảo vệ tại chỗ (Bảo tồn nguyên vị). Đi kèm với biện pháp tuyên truyền khai thác hợp lý cây thuốc, và tư liệu hóa các bài thuốc dân tộc.

Từ khóa: Cây thuốc dân tộc, dân tộc Hre, đa dạng cây thuốc, huyện Ba Tơ, tri thức bản địa.

Medicinal plants of Hre ethnic and propose some solutions to conservation and development of medicinal plants in the Ba To district, Quang Ngai province

Indigenous knowledge of medicinal plants used by ethnic groups in Vietnam is precious resources, valuable scientific and practical significance tremendous. This paper presents the results of the survey of knowledge, experience and the actual use of medicinal plants of the Hre community at Ba To, Quang Ngai Province to develop management mechanisms, conservation measures and use sustainable resource efficiency in local medicinal plants. Survey results identified 45 species of medicinal plants belonging to 26 families, through the use of everyday life of the community Hre Ba To, Quang Ngai. There are 2 species of medicinal plants in the Red List medicines Vietnam, 6 species according to local knowledge of the people. Medicinal plants is mined primarily from natural (84.44 %), rich indigenous knowledge expressed in the user experience team to treat 12 different diseases, the number of medicinal plants used to treat muscle - bone disease group - joints, kidney, endocrine, liver is the most. Uses the processing is quite divers. Many medicinal plant need to be conserve: *Morinda officinalis* How, *Smilax glabre*, *Amomum longiligulare* T.L.Wu, should expand the area of medicinal plant in plantations, gardens, and situ Conservation. Rational exploitation of medicinal plants, and documentation of all traditional medicine.

Keywords: Ba To district, diversity of medicinal plants, ethnobotany, Hre Ethnic, traditional knowledge,

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá cao về tính đa dạng sinh học, phong phú về các nguồn cây thuốc. Do sự khác biệt lớn về khí hậu từ vùng gần xích đạo tới giáp vùng cận nhiệt đới, cùng với sự đa dạng về địa hình đã tạo nên sự đa dạng về cảnh quan thiên nhiên, các hệ sinh thái, các kiểu rừng...

Tri thức bản địa về sử dụng cây thuốc của từng cộng đồng dân tộc thiểu số, được truyền miệng từ đời này sang đời khác. Mỗi dân tộc có tập quán, tri thức và kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc khác nhau. Điều này dẫn đến sự đa dạng về tri thức sử dụng cây thuốc ở Việt Nam. Trong số 3.948 loài cây thuốc ở Việt Nam đã được thống kê (Viện Dược liệu, 2007) có nhiều cây thuốc dân tộc đã được phát hiện và nghiên cứu phát triển thành các dạng thuốc mới, chẳng hạn như Dây khai (*Coptosapelta tomentosa* (Blume) Vahl. ex Heyne var. *dongnaiensis* (Pit.) Phamh.) thuộc họ Rubiaceae là cây thuốc dây tộc của đồng bào Hre được sử dụng từ rất lâu với các tác dụng đáng chú ý như trị thấp khớp, rửa vết thương phần mềm tránh nhiễm trùng và sử dụng như thuốc bổ. Trên cơ sở đó đã có những nghiên cứu về tác dụng sinh học của dây khai tạo cơ sở và tiền đề cho việc nghiên cứu ứng dụng Dây khai thành dạng chế phẩm kháng viêm hiệu quả, an toàn (Trần Thị Vân Anh, 2010).

Tuy nhiên, nhiều loài cây thuốc và những kinh nghiệm sử dụng ở các cộng đồng dân tộc người Hre (Nam Trung Bộ) vẫn chưa được thống kê đầy đủ. Mặt khác do sự phá rừng để canh tác, chuyển đổi cơ cấu kinh tế cây trồng, canh tác kém hiệu quả... đang làm cho diện tích rừng bị thu hẹp. Nguồn thực vật, trong đó các loại cây thuốc đang khan hiếm dần. Tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số đang có xu hướng bị lãng quên và biến mất. Xã hội

phát triển, thường kéo theo sự lãng quên và xói mòn các kinh nghiệm và tri thức dân tộc truyền thống.

Xuất phát từ thực tiễn trên, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu “Cây thuốc của người Hre và đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát triển tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi” nhằm bảo tồn tri thức bản địa và các loại cây thuốc quý tại địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thực vật được đồng bào dân tộc Hre sử dụng làm thuốc chữa bệnh tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Nội dung nghiên cứu

- Thu thập kinh nghiệm sử dụng thực vật làm thuốc của đồng bào dân tộc Hre, bao gồm tên cây, đa dạng về dạng sống, bộ phận dùng. Thu thập tiêu bản thực vật các loài cây thuốc, thống kê xác định tên khoa học và xây dựng danh lục.
- Hiện trạng khai thác và sử dụng các loài cây thuốc của người Hre tại huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi.
- Nghiên cứu và đề xuất biện pháp bảo tồn các loài cây thuốc quý tại địa phương.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

+ Thiết lập phiếu điều tra phù hợp cho các đối tượng là ông lang, bà lang, trưởng bản người Hre để thu thập tìm hiểu các loại cây thuốc tại địa phương bao gồm tên cây, môi trường sống, bộ phận dùng, cách sử dụng, và công dụng chữa bệnh.

+ Phỏng vấn trực tiếp: Các lang y, cán bộ y tế thôn bản, những người Hre biết nhiều cây

thuốc, bài thuốc... để tìm hiểu nguồn cây thuốc và phương pháp sử dụng cây thuốc tại địa phương.

3.2. Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc

Các chỉ tiêu được đánh giá dựa trên phương pháp đánh giá của Nguyễn Nghĩa Thìn *et al.*, (2001), bao gồm: đa dạng về loài; đa dạng về dạng sống; đa dạng về môi trường sống; đa dạng các bộ phận sử dụng; đa dạng về các nhóm bệnh chữa trị.

3.3. Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc

Dựa trên Sách đỏ Việt Nam, phân Thực vật (2007); Nghị định số 32/2006/NĐ-CP.

3.4. Điều tra khảo sát ngoài thực địa

+ Lấy mẫu cây thuốc tại địa phương để xác định tên khoa học, mẫu được bảo quản thích

hợp và ghi tên cây thuốc theo tên địa phương. Mẫu được xác định chủ yếu dựa vào đặc điểm hình thái so sánh theo các tài liệu của các tác giả chủ yếu sau:

- * Từ điển cây thuốc của Võ Văn Chi (2012);
- * Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam của Đỗ Tất Lợi (2006).
- + Khảo sát số lượng các loài cây thuốc còn lại tại địa phương.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thống kê các loài cây thuốc của dân tộc Hre tại Huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

Trong quá trình điều tra qua tri thức bản địa của dân tộc Hre huyện Ba Tơ chúng tôi đã thu thập được 45 loài cây thuốc, thuộc 26 họ (bảng 1).

Bảng 1. Thống kê cây thuốc của người Hre, huyện Ba tơ, tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên cây thuốc của người Hre	Tên phổ thông	Tên khoa học	Tên họ	Bộ phận sử dụng	Dạng sống	Công dụng cây thuốc theo tri thức bản địa người Hre
1	Cỏ xước	Cỏ xước	<i>Ahyranthes aspera</i> L.	Amaranthaceae	Lá	Thân thảo	Lợi tiểu, thận, kháng viêm
2	Dây xù	Chôm rừng	<i>Annonaceae</i> <i>Carabao</i>	Annonaceae	Cả cây	Dây leo	Trị đau lưng, nhức xương khớp.
3	Cau	Cau	<i>Areca catechu</i> L.	Arecaceae	Quả	Thân gỗ	Trị sốt nhau
4	Bồ công anh	Bồ công anh	<i>Lactuca indica</i> L.	Asteraceae	Thân, lá	Thân thảo	Trị bệnh ngoài da
5	Ngải cứu	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Asteraceae	Cả cây	Thân thảo	Đau bụng, kinh nguyệt không đều.
6	Nhọ nôi	Cỏ mực	<i>Eclipta prostrata</i> L.	Asteraceae	Lá	Thân thảo	Trị viêm xoang, thận, cầm máu...
7	Bồ hôi	Cỏ hôi	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Asteraceae	Lá	Thân thảo	Thanh nhiệt, viêm họng, xoang, viêm đường tiết niệu...
8	Đậu ma	Thảo quyết minh	<i>Cassia tora</i> L.	Caesalpinaceae	Hạt, thân	Thân thảo	An thần, thanh nhiệt, trị khó tiểu...

TT	Tên cây thuốc của người Hre	Tên phổ thông	Tên khoa học	Tên họ	Bộ phận sử dụng	Dạng sống	Công dụng cây thuốc theo tri thức bản địa người Hre
9	Cây Y hít	Dây chiu	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Mess.	Dilleniaceae	Thân, lá	Dây leo	Trị đau nhức xương, đau lưng.
10	Sâm rừng*	Bồng bồng, Nam tỳ bà	<i>Dracaena angustifolia</i> Roxb	Dracaenaceae	Rễ	Thân thảo	Sỏi thận
11	Cây trĩ	Cùm rùm	<i>Carmona microphylla</i> (Lam)	Ehretiaceae	Rễ, thân	Cây bụi	Trị đau lưng, tê tay chân
12	Cỏ Hui ra za*	Cỏ đốt	<i>Equisetum debile</i> Roxb. Ex Vauch	Equisetaceae	Thân	Thân thảo	Đau mắt, đau lưng, bệnh tiểu đường...
13	Rau ngót	Bồ ngót	<i>Sauropus androgynus</i> Merr	Euphorbiaceae	Lá	Cây bụi	Trị sốt nhau
14	Cây Toicló	Cây cơm nguội, cây nhội	<i>Bischofia trifoliata</i> (Rixb) Hook. F	Euphorbiaceae	Lá	Thân gỗ	Trị sỏi thận, trĩ.
15	Cây Vẩy ốc	Trà cộc rào, Chè tàu	<i>Acalypha siamensis</i> Oliv. ex Gage	Euphorbiaceae	Lá	Cây bụi	Trị đau bụng, kích thích tiêu hóa
16	Cây Chó đẻ	Diệp hạ châu	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.	Euphorbiaceae	Cả cây	Thân thảo	Trị bệnh gan, vàng da...
17	Cây Tra cúng	Cây Jatropha, dầu mè cây, cộc rào, dầu lai	<i>Jatropha curcas</i>	Euphorbiaceae	Lá	Thân gỗ	Trị sốt nhau
18	Cây Y liêu	Mắc cỡ, xấu hổ, Trinh nữ, hàm tu thảo	<i>Mimosa pudica</i> L.	Fabaceae	Cả cây	Thân thảo	Đau nhức lưng, tiêu độc, an thần.
19	Ría rắc	Muồng trâu	<i>Cassia alata</i> L.	Fabaceae	Lá	Thân gỗ nhỏ	Trị bệnh ngoài da
20	Quế	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i>	Lauraceae	Vỏ	Thân gỗ	Kích thích ăn uống, đau bụng.
21	Cây không rễ	Tang ký sinh	<i>Loranthus parasiticus</i> (L.) Merr.	Loranthaceae	Cả cây	Dây leo ký sinh	Đau lưng, đau nhức xương khớp, tiểu đường.
22	Dâu rừng	Dâu tằm	<i>Morus alba</i>	Moraceae	Rễ, thân	Thân gỗ	An thần, bổ máu, chứng khó ở trẻ em
23	Chua đất	Chua me đất hoa vàng	<i>Oxalis corniculata</i> L.	Oxalidaceae	Lá	Thân thảo	Thanh nhiệt, giải độc, lợi tiểu, thận, bệnh phụ nữ..
24	Dây lùm búp	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i>	Passifloraceae	Cả cây	Dây leo	An thần, trị mất ngủ.
25	Trầu không	Trầu không	<i>Piper bettle</i> L.	Piperaceae	Lá	Dây leo	Bệnh ngoài da, tiết niệu
26	Lá lốt	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C. DC.	Piperaceae	Lá	Thân thảo	Đau lưng
27	Cỏ màn trâu	Cỏ màn trâu	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.	Poaceae	Cả cây	Thân thảo	Trị bệnh ngoài da

TT	Tên cây thuốc của người Hre	Tên phổ thông	Tên khoa học	Tên họ	Bộ phận sử dụng	Dạng sống	Công dụng cây thuốc theo tri thức bản địa người Hre
28	Cỏ Tranh	Cỏ tranh	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) P. Beauv. Var. <i>Cylindrica</i>	Poaceae	Rễ, Lá	Thân thảo	Lợi tiểu, sỏi thận...
29	Cây rấm dại	Cây nghệ	<i>Polygonum hydropiper</i>	Polygonaceae	Thân, lá	Thân thảo	Trị rắn cắn
30	Cây Chí kền	Cây mâm xôi	<i>Rubus alceaefolius</i> Poir	Rosaceae	Dây, lá	Dây leo	Trị đau nhức xương, đau lưng.
31	Trang rừng	Đơn đỏ	<i>Ixora coccinea</i> L.	Rubiaceae	Rễ	Thân bụi	Trị đau nhức lưng.
32	Mơ rừng	Mơ rừng	<i>Paederia microcephala</i> ierre	Rubiaceae	Lá	Dây leo	Trị đau nhức lưng, đau bụng, khó tiêu,
33	Dây róc *	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How	Rubiaceae	Rễ	Dây leo	Trị bệnh nam giới, sỏi thận, sỏi mật, tiểu đường, gan.
34	Dây khai	Vàng hoan	<i>Coptosapelta tomentosa</i> (Blume) Vahl. ex Heyne var. <i>dongnaiensis</i> (Pit.) Phamh	Rubiaceae	Cả cây	Dây leo	Trị viêm nhiễm, kháng viêm
35	Cây Bông núi	Cây Bưởi	<i>Citrus grandis</i> Osbeck	Rutaceae	Quả	Thân gỗ	Trị bướng cổ, kích thích ăn uống...
36	Cam thảo đất	Cam thảo đất	<i>Scoparia dulcis</i> L.	Scrophulariaceae	Cả cây	Thân thảo	Thanh nhiệt, mát gan, bệnh ngoài da
37	Tri uông	Lữ đằng cần	<i>Lindernia crustacea</i> (L.) F. Müller	Scrophulariaceae	Cả cây	Thân thảo	Phụ nữ sau khi sinh
38	Củ Kun mềm*	Thỏ phục linh, cây Cậm Cang, Khúc khác	<i>Smilax glabra</i>	Smilacaceae	Củ	Dây leo	Đĩa đệm, đau xương, tiểu đường, gan.
39	Củ Kun cứng*	Kim cang tai lá nhỏ	<i>Smilax adhaerens</i> Gagnep		Củ	Dây leo	
40	Cây chè	Cây Chè	<i>Camellia sinensis</i>	Theaceae	Lá	Thân bụi	Tiểu đường, gan..
41	Cây Xí ngầu	Bạch đồng nữ	<i>Clerodendron paniculatum</i>	Verbenaceae	Rễ	Thân bụi	Trị đau lưng, bạch đới ở phụ nữ.
42	Sa nhân	Sa nhân tím	<i>Amomum longiligulare</i> T.L. Wu.	Zingiberaceae	Quả, lá	Thân thảo	Trị dạ dày, kích thích tiêu hóa
43	Gừng	Gừng	<i>Zingiber officinale</i> Rosc		Thân rễ (củ)	Thân thảo	Ấm phổi, trị ho khan, kích thích tiêu hóa
44	Nghệ	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L.		Thân rễ (củ)	Thân thảo	Dạ dày, ho.
45	Man gan*	Nga truyệt (nghệ tím)	<i>Curcuma zedoaria</i> Berg. Rosc		Thân rễ (củ)	Thân thảo	Dạ dày, ho ra máu

Ghi chú: *: Các loại cây thuốc quý theo kinh nghiệm sử dụng của người dân địa phương.

Các loài cây thuốc của người Hre huyện Ba Tơ sử dụng khá phong phú. Với một số họ giàu loài như: Euphorbiaceae (6 loài), Asteraceae (4 loài), Zingiberaceae (4 loài)... Theo Sách đỏ Việt Nam - Phần Thực vật (2007), chúng tôi đã thống kê được tổng số có 2 loài cây thuốc, trong đó loài Thổ phục linh (*Smilax glabra*) mức độ đe dọa bậc V (Sách đỏ Việt Nam - trang 368), Ba Kích (*Morinda officinalis* How) loài cấp EN (*EN A1c,d, B1+2a,b,c*). Đó là những loài quý cần được ưu tiên bảo vệ.

- Sự đa dạng về các dạng sống cây làm thuốc của cộng đồng người Hre

Từ việc phân tích tính đa dạng về dạng sống của cây thuốc sẽ giúp ích trong định hướng khai thác và sử dụng bền vững.

Bảng 2. Các dạng sống của cây thuốc

Dạng sống	Cây thảo	Cây gỗ	Cây bụi	Dây leo
Số lượng loài	21	7	6	11
Tỷ lệ (%)	46,67	15,56	13,33	24,44

Tính đa dạng về dạng sống các cây làm thuốc của người Hre tại huyện Ba Tơ là khá phong phú. Nhóm cây thân thảo chiếm tỷ lệ cao nhất

Bảng 4. Tỷ lệ khai thác cây thuốc theo nguồn gốc

Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ % so với tổng số loài
Tự nhiên (rừng, đồi núi, nương rẫy, trồng cây bụi, khe suối...)	38	84,44
Trồng tại vườn nhà	4	8,89
Kết hợp	3	6,67

Cây thuốc được người dân địa phương khai thác có nguồn gốc chủ yếu là trong rừng. Dẫn tới việc sử dụng cây thuốc hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, khó khăn trong việc chủ động nguồn cung.

- Cách thu hái, chế biến cây thuốc của đồng bào dân tộc Hre tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

Cách khai thác:

+ Về thời gian: cây thuốc được thu hái thông thường vào buổi sáng, vì nhiều loài cây thuốc

(46,67%) tập trung nhiều ở các họ như họ Asteraceae, Poaceae, Scrophulariaceae...

- Sự đa dạng về các bộ phận dùng của cây thuốc người Hre huyện Ba Tơ - Quảng Ngãi

Bảng 3. Các bộ phận dùng của cây thuốc của người Hre

Bộ phận sử dụng	Số loài	Tỷ lệ (%)
Lá	14	31,11
Rễ	7	15,56
Thân	5	11,11
Vỏ	1	2,22
Quả	3	6,67
Củ	5	11,11
Cả cây	10	22,22

Kết quả được nêu trong bảng 3 cho thấy sự đa dạng trong việc sử dụng các bộ phận khác nhau của cây thuốc để chữa bệnh. Thường dùng hơn cả là lá, cả cây và rễ. Các bộ phận như vỏ, quả, củ cũng được sử dụng để chữa bệnh nhưng số lượng không lớn.

4.2. Hiện trạng khai thác và sử dụng các loài cây thuốc của người Hre tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi

- Tỷ lệ khai thác cây thuốc theo nguồn gốc

trong rừng sâu, khó tìm và theo quan niệm tâm linh của đồng bào dân tộc tại địa phương.

+ Mùa: cây thuốc được thu hái quanh năm, không theo mùa và cũng không theo mùa phân bố loài.

+ Về thời tiết: cây thuốc được thu hái vào lúc trời nắng, thuận tiện cho quá trình đi lại thu hái.

+ Trạng thái cây: đa số cây thuốc được thu hái lúc già để đảm bảo dược tích của cây.

Cách chế biến cây thuốc của đồng bào Hre khá đa dạng, cây thuốc có thể được dùng tươi như: Chua me đất hoa vàng (*Oxalis corniculata* L.), cây Bò ngót (*Sauropus androgynus* Merr)..., nhai sống như Lữ đằng cần (*Lindernia crustacea* (L.) F. Muller); phơi khô, sấy khô như: Thổ phục linh (*Smilax glabra*), Ba kích (*Morinda officinalis* How), Cỏ đốt (*Annonaceae Carabao*)...; hơ nóng như quả

cây Bưởi (*Citrus grandis* Osbeck); giã nát dùng ngoài da như cây Nghễ (*Polygonum hydropiper*); hãm, sắc như Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica* (L.) P. Beauv. Var. *Cylindrica*)...; ngâm rượu như Bông bông (*Dracaena angustifolia* Roxb)... Tuy nhiên cách dùng phổ biến nhất là cây thuốc được phơi khô sắc uống.

- Giá trị sử dụng theo nhóm bệnh

Bảng 5. Thống kê tỷ lệ cây thuốc được sử dụng theo nhóm tác dụng chữa bệnh

TT	Nhóm tác dụng	Số loài	Tỷ lệ %
1	Nhóm chữa bệnh cơ xương khớp	12	26,67
2	Nhóm chữa bệnh thận - tiết niệu	7	15,56
3	Nhóm chữa bệnh bứu - nội tiết	6	13,33
4	Nhóm chữa bệnh gan	5	11,11
5	Nhóm chữa bệnh ngoài da	5	11,11
6	Nhóm chữa bệnh phụ nữ - thai sản	3	6,67
7	Nhóm chữa bệnh suy nhược cơ thể	3	6,67
8	Nhóm chữa bệnh tiêu hóa	2	4,44
9	Bệnh trẻ em	2	4,44
10	Nhóm chữa bệnh tai - mũi - họng	1	2,22
11	Nhóm chữa bệnh ngộ độc	1	2,22
12	Nhóm chữa bệnh côn trùng đốt, rắn độc	1	2,22

Qua 12 nhóm bệnh được điều trị thì các bài thuốc chữa nhóm bệnh cơ - xương - khớp chiếm tỷ lệ lớn nhất, kế đến là nhóm chữa bệnh thận - tiết niệu, bứu - nội tiết... Đa phần các bài thuốc là sự kết hợp của nhiều loài cây, một loại cây có thể chữa nhiều bệnh.

4.3. Đề xuất biện pháp bảo tồn và phát triển nguồn cây thuốc

Các yếu tố tác động đến nguồn tài nguyên cây thuốc của người Hre tại huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi: Nguồn cây thuốc trong nhiều năm chủ yếu dựa vào thu hái tự nhiên, khai thác không có kế hoạch bảo vệ, nên sản lượng giảm sút, nhiều loài ngày càng trở nên khan hiếm. Thêm vào đó là việc phát rừng, đốt

rừng làm rẫy qua các mùa không đủ thời gian cho việc phục hồi các loại cây thuốc, sự chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng thuần trồng Keo lá tràm đã làm suy giảm đa dạng sinh học trong đó có các loài cây thuốc.

Tri thức bản địa ngày càng mai một dần, nhiều bài thuốc biến mất, công tác điều tra, lưu trữ thông tin còn thiếu, chưa được quan tâm đúng mức.

Trên cơ sở tiến trình hoạt động bảo tồn cây thuốc tại cộng đồng để sử dụng bền vững tài nguyên cây thuốc (Luu Đàm Cư, 2009). Tiến hành theo 3 bước chính sau:

Bước 1: Xác định đối tượng cần bảo tồn và ưu tiên bảo tồn.

Xác định cây thuốc trong khu vực bị đe dọa cần được bảo tồn và trong số đó loài nào cần phải khẩn trương bảo tồn và có thể bảo tồn được.

- Mức độ quý hiếm trong tự nhiên.
- Mức độ bị khai thác.

Lựa chọn các loài ưu tiên bảo tồn trong cộng đồng (từ kết quả các loài đã xác định) theo các tiêu chí sau:

- + Thường xuyên bị khai thác vì mục đích thương mại.
- + Có nhu cầu sử dụng lớn trong cộng đồng.
- + Nguyên vọng của người dân địa phương đối với phát triển đối tượng.

Bước 2: Lựa chọn mô hình bảo tồn và nhóm tham gia.

Lựa chọn mô hình thích hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương.

- Mô hình vườn cây thuốc,
- Mô hình bảo tồn cây thuốc trong vườn rừng.

Bước 3: Nghiên cứu và triển khai bảo tồn cây thuốc tại cộng đồng. Trong quá trình triển khai công tác bảo tồn cây thuốc tại cộng đồng các nội dung sau đây cần được quan tâm để đảm bảo thành công: Nghiên cứu tính thích nghi của thực vật.

Căn cứ vào thực trạng khai thác và sử dụng cây thuốc của địa phương, và thực hiện các bước tiến trình bảo tồn cây thuốc trong cộng đồng chúng tôi xin đề xuất các biện pháp, mô hình bảo tồn sau :

- *Lựa chọn các loài cây thuốc được lựa chọn ưu tiên bảo tồn:*

- * Ba kích (*Morinda officinalis* How)
- * Thổ phục linh (*Smilax glabra*)
- * Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T. L. Wu)

- *Bảo tồn nguyên vị*

Đây là hình thức khoanh vùng bảo tồn tại chỗ. Hình thức này được áp dụng cho tất cả mọi đối tượng cần được bảo tồn, những đối tượng chưa có nguy cơ tuyệt chủng hoặc xâm hại, hoặc trong điều kiện con người có thể can thiệp bằng các biện pháp để quản lý, bảo vệ.

Để thực hiện tốt công tác bảo tồn cây thuốc ngay tại chỗ cần xác định vùng phân bố cây thuốc (bảng 6), huy động sự tham gia của người dân địa phương vào việc điều tra khảo sát, khoanh vùng bảo vệ. Đây là thành phần cung cấp thông tin quan trọng vùng phân bố, trữ lượng cũng như chất lượng cây thuốc.

Bảng 6. Vùng phân bố một số loài cây thuốc tại huyện Ba Tơ

TT	Tên cây thuốc	Vùng phân bố
1	Loài Thổ Phục Linh (<i>Smilax glabra</i>)	Xã Ba Cung, Ba Bích, Ba Nam, Ba Lé
2	Ba kích (<i>Morinda officinalis</i> How.)	Xã Ba Nam, Ba Xa, Ba Trang
3	Sa nhân tím (<i>Amomum longiligulare</i> T.L. Wu)	Xã Ba Tô, Ba Trang
4	Cỏ đốt (<i>Equisetum debile</i> Roxb. Ex Vauch.)	Xã Ba Điền
5	Cây chè (<i>Camellia sinensis</i>)	Xã Ba Vinh

- *Khoanh vùng, nắm được trữ lượng đối tượng khai thác:*

+ Khu vực khai thác ngay: cây mọc tập trung, phần lớn là cây trưởng thành.

+ Khu vực chọn lọc: Chỉ chọn những cây lớn, số lượng nhiều, bảo vệ cây còn nhỏ.

+ Khu vực bảo vệ: đa số là cây còn nhỏ, rất ít cây lớn.

- Bảo tồn chuyên vụ

Biện pháp nhân giống mở rộng diện tích cây thuốc dưới tán rừng trồng, vườn nhà.

Với các loài như Ba kích (*Morinda officinalis* How), Thổ phục linh (*Smilax glabra*): là những loại thuốc quý hiện còn rất ít tại địa phương vì trong quá trình phát đốt rẫy làm nương thường xuyên. Cần nghiên cứu điều kiện sinh thái của cây Ba kích (*Morinda officinalis* How), điều kiện tự nhiên của huyện để có thể đưa cây trồng dưới tán rừng tự nhiên và rừng trồng. Có thể sử dụng giống invitro để chủ động nguồn cây giống.

Tiếp tục phát huy kết quả đề tài “Nghiên cứu gây trồng cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L. Wu) ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi” do Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ chủ trì (2008 - 2011) và hoàn thiện quy trình đưa vào gây trồng Sa nhân tím dưới tán rừng keo và rừng tự nhiên tại Ba Tơ, góp phần hạn chế xói mòn, lũ lụt vừa bảo tồn và phát triển được nguồn cây thuốc quý tại địa phương.

- Biện pháp tuyên truyền khai thác hợp lý cây thuốc

Tuyên truyền, hướng dẫn các lang y, cộng đồng tại địa phương khai thác hợp lý để có thể bảo vệ, tái phục hồi các loài thuốc quý. Tránh làm cạn kiệt nguồn cây thuốc để có thể tiếp tục khai thác trong tương lai. Nếu làm tốt công tác này sẽ có khả năng lan tỏa lớn trong cộng đồng.

Chỉ thu hái các bộ phận làm thuốc, tránh chặt phá cả cây.

- Chỉ thu hái ở các cây thuốc đã trưởng thành.
- Chú ý lưu giữ các cây gieo giống.
- Thu hái theo thời vụ, theo mùa phân bố: điều này giúp ích cho việc thu được dược liệu có hàm lượng hoạt tính cao (có thể dự trữ cây

thuốc trong thời gian dài), đảm bảo khả năng tái sinh của cây thuốc.

- Nắm vững kỹ thuật, phương pháp (ví dụ: thu vỏ cây - nên vào mùa Xuân hoặc đầu Hạ, cây đang phát triển mạnh, vỏ nhiều nhựa, dễ bóc; Thu hái những phần ngầm dưới đất - nên vào lúc cây bắt đầu tàn lụi, lúc này bộ phận chứa nhiều hoạt chất nhất...) (Luu Đàm Cư, 2009).

- Tư liệu hóa các bài thuốc dân tộc

Cây thuốc dân tộc và tri thức bản địa về sử dụng cây cỏ làm thuốc của các dân tộc ở Việt Nam là một nguồn tài nguyên quý giá, có giá trị khoa học và có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Đây thực sự là một kho báu còn nhiều điều chưa được khám phá. Việc tư liệu hóa lại các bài thuốc dân tộc góp phần vào công cuộc phát triển cây thuốc cổ truyền dân tộc nói chung và tri thức y học gia truyền bản địa của người Hre, Quảng Ngãi nói riêng.

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

- Về đa dạng thành phần loài cây thuốc: Qua điều tra thu thập thông tin đã thu được 45 loài cây thuốc thuộc 26 họ thực vật qua cách sử dụng của cộng đồng người Hre huyện Ba Tơ, Quảng Ngãi.

- Hiện trạng khai thác và sử dụng các loài cây thuốc tại huyện Ba Tơ - Quảng Ngãi: Phần lớn là các cây thuốc có nguồn gốc tự nhiên 84,44%. Tri thức bản địa phong phú thể hiện ở kinh nghiệm sử dụng để chữa trị 12 nhóm bệnh khác nhau, trong đó đáng kể là các bài thuốc chữa nhóm bệnh cơ - xương - khớp, thận, nội tiết, gan.

- Qua điều tra có 2 loài thuốc quý trong danh mục cây thuốc đỏ Việt Nam: Ba kích (*Morinda officinalis* How), Loài Thổ phục linh (*Smilax glabre*), 6 loài quý theo kiến thức bản địa của người Hre là: Cỏ đốt (*Equisetum debile* Roxb. Ex Vauch.), Sa nhân tím

(*Amomum longiligulare* T.L. Wu), Ba kích (*Morinda officinalis* How), loài Thỏ phục linh (*Smilax glabre*), Kim cang tai lá nhỏ (*Smilax adhaerens* Gagnep), Nga truật (*Curcuma zedoaria* Berg. Rosc).

- Đề xuất biện pháp bảo tồn và phát triển nguồn cây thuốc: những loài cây thuốc quý cần bảo tồn là Sa nhân tím (*Amomum*

longiligulare T.L.Wu), Ba kích (*Morinda officinalis* How), Thỏ phục linh (*Smilax glabre*), cần nhân giống mở rộng diện tích các loại cây thuốc này dưới tán rừng trồng, vườn nhà, đồng thời khoanh vùng bảo vệ tại chỗ (Bảo tồn nguyên vị). Đi kèm với biện pháp tuyên truyền khai thác hợp lý cây thuốc và tư liệu hóa các bài thuốc dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Vân Anh, 2010. Trần Hùng “Nghiên cứu thành phần hóa học của Dây khai (*coptosapelta tomentosa*) theo định hướng tác dụng kháng viêm”. Tạp chí Y học Tp Hồ Chí Minh, Tập 14, (Số 1/2010).
2. Đỗ Huy Bích, Đặng Quang Chung, Bùi Xuân Chương, Nguyễn Thượng Dong, Đỗ Trung Đàm, Phạm Văn Hiến, Vũ Ngọc Lộ, Phạm Duy Mai, Phạm Kim Mãn, Đoàn Thị Nhu, Nguyễn Tập, Trần Toàn, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
3. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam - phần II - Thực vật. Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
4. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb Y học, Hà Nội, tập I-II.
5. Lưu Đàm Cư (06/02/2009 10h: 38), Nghiên cứu tri thức và kinh nghiệm y học cổ truyền của các dân tộc để bảo tồn và phát triển cây thuốc, <<http://www.botanyvn.com/cnt.asp?param=news&newsid=688>>
6. Đỗ Tất Lợi, 2006. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb Y dược.
7. Nguyễn Thanh Phương, 2011. Nghiên cứu gây trồng cây Sa nhân tím (*Amomum longiligulare* T.L. Wu) ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thị Hạnh, Ngô Trục Nhã, 2001. Cây thuốc đồng bào Thái Con Cuông, Nghệ An. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

Người thẩm định: TS. Trần Ngọc Hải